

MỤC LỤC

1. Cơ sở pháp lý để xây dựng phương án
2. Mục tiêu cổ phần hóa

PHẦN A: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HÓA

I – Khái quát chung về công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa

- 1- Quá trình thành lập Công ty
- 2- Giới thiệu về Công ty
- 3- Quá trình hình thành và phát triển của Công ty
- 4- Ngành nghề kinh doanh
- 5- Phạm vi hoạt động
- 6- Tổ chức Đảng và đoàn thể

II – Thực trạng doanh nghiệp đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 01/01/2015

A- Nguồn vốn

- 1- Phân theo cơ cấu tài sản
- 2- Phân theo nguồn vốn

B- Giá trị quyền sử dụng đất

- 1- Hiện trạng sử dụng đất
- 2- Hồ sơ sử dụng đất

C- Cơ cấu tổ chức và lao động

- 1- Cơ cấu tổ chức
- 2- Chức năng nhiệm vụ của từng phòng, ban
- 3- Tình hình lao động

D- Tình hình kinh doanh trước khi cổ phần hóa

- 1- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm
- 2- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
- 3- Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2014
- 4- Những yếu tố cơ bản đến kết quả hoạt động của công ty
 - 4.1- Nguồn nguyên vật liệu
 - 4.2- Chi phí sản xuất

4.3- Trình độ công nghệ

4.4- Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ

4.5- Triển vọng và phát triển.

5- Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

PHẦN B; PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I- Hình thức cổ phần hóa

II- Doanh nghiệp sau cổ phần hóa

1- Tên Công ty cổ phần

2- Trụ sở chính

III- Ngành nghề kinh doanh dự kiến

IV – Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

V- Cơ cấu vốn điều lệ

1-Vốn điều lệ, số cổ phần phát hành

2- Cơ cấu vốn điều lệ

3- Kế hoạch bán cổ phần

4- Rủi ro dự kiến

5 - Dự toán chi phí cổ phần

6- Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2016 đến 2020 của công ty

7- Dự kiến kế hoạch sử dụng tiền thu bán cổ phần và các khoản chi phí được giảm trừ vào vốn nhà nước khi tiến hành cổ phần hóa.

VI- Phương án đầu tư và chiến lược của công ty sau cổ phần hóa

1- Cơ sở hoạch định

2- Mục tiêu phát triển

3- Chiến lược phát triển

4- Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa

5- Mục tiêu phát triển sản xuất và đầu tư XD CB

6- Chiến lược đầu tư đến phát triển đến năm 2020 định hướng đến năm 2030

7- Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh doanh

8- Các đề xuất kiến nghị

9- Kế hoạch tổ chức thực hiện Phương án

VII – Kết luận

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 10 năm 2015

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC THANH HÓA

1. Cơ sở pháp lý để xây dựng phương án.

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kỳ họp thứ tám Quốc hội khoá XIII ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ tài chính hướng dẫn cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp DNNN 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, sử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước; Quyết định số 140/2008/QĐ-TTg ngày 21/10/2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg và Thông tư số 83/2007/TT-BTC ngày 16/7/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung sắp xếp lại, sử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định tại Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ;

- Căn cứ công văn số 1959/TTg-ĐMDN ngày 27/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011-2015;

- Quyết định số 4524/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa;

- Căn cứ Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 22/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/NQQ-CP ngày 06/03/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa, bán phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt điều chỉnh tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa;

- Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 15/01/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa;

- Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa;

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2- Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi rõ tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và chủ trương của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cổ phần hóa Công ty TNHH 1 Thành viên Cấp nước Thanh Hóa nhằm các mục tiêu:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu, tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, tăng cường năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty hiện nay và trong tương lai;

- Huy động vốn nhân rộng của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước để tăng cường năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp;

- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy công tác điều hành quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông, đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp;

- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

PHẦN A
GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP
TRƯỚC THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HÓA

I. Khái quát chung về Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa.

1- Quá trình thành lập công ty

2- Giới thiệu về Công ty.

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC THANH HÓA

- Tên tiếng Anh: THANH HOA WATER SUPPLY LIMITED COMPANY

2. Trụ sở chính: Số 99, đường Mật Sơn - Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Điện thoại: (0373 852 966)

- Fax: (0373 856 648)

- Email: cnth@gmail.vn

- Website: capnuocth.vn

- Mã số thuế: 2800219549

- Quyết định thành lập: số 2039/QĐ-CT-UBTH ngày 29/7/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa quyết định về việc chuyển đổi Công ty Cấp nước Thanh Hóa thành Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa.

3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 2800219549 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03/10/2005 và cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 26/12/2013.

4. Tư cách pháp nhân: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa là doanh nghiệp Nhà nước có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng.

5. Vốn điều lệ của Công ty: 230.000.000.000 VNĐ

(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tỷ đồng chẵn).

6. Chủ sở hữu Công ty: Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Địa chỉ chủ sở hữu: Đại lộ Lê Lợi, Phường Ba Đình, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

3. Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước Công ty Cấp nước Thanh Hóa sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 2039/QĐ-CT-UBTH ngày 29/7/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

3.1. Về Tổ chức

3.1.1. Giai đoạn từ 1931-1953

Nhà máy nước Thanh Hóa hoạt động dưới sự điều hành của chính quyền thuộc Pháp; Đối tượng phục vụ lúc này là các công sở do người Pháp quản lý, phần còn lại là các tư thương trong thị xã Thanh Hóa.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, thực hiện chủ trương “Tiêu thổ kháng chiến” của Chính phủ, toàn bộ máy móc thiết bị của nhà máy được tháo dỡ, chuyển về công binh xưởng để chế tạo vũ khí phục vụ kháng chiến, nhà máy ngừng hoạt động.

3.1.2. Giai đoạn từ 1954 – 1985

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ. Được sự giúp đỡ của Liên Xô, Nhà máy nước Thanh Hóa được khôi phục đầu tư và nâng cấp, cung cấp nước cho cơ quan, xí nghiệp và một phần dân cư trong khu vực nội thị xã Thanh Hóa.

Bước sang giai đoạn hòa bình theo định hướng XHCN. Thị xã Thanh Hóa được mở rộng, hai đô thị lớn Sầm Sơn, Bim Sơn trong tỉnh được thành lập thị xã, các Khu kinh tế các Cụm công nghiệp, thị trấn, thị tứ được hình thành và phát triển, nhu cầu nước sạch cho sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu dịch vụ ngày một tăng, đòi hỏi Nhà máy nước Thanh Hóa phải đầu tư, nâng cấp, cải tạo hệ thống cấp nước.

3.1.3. Giai đoạn 1986-2005

Ngày 27 tháng 12 năm 1986, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa có Quyết định số 1690/QĐ-TC-UBTH đổi tên Nhà máy nước Thanh Hóa thành Công ty Cấp nước Thanh Hóa. Chức năng nhiệm vụ của Công ty là : Khai thác, sản xuất nước sạch, phục vụ cho nhu cầu sử dụng của thị xã Thanh Hóa, Sầm Sơn; khảo sát thiết kế, thi công xây dựng và quản lý công trình, hệ thống cấp nước do công ty quản lý, khai thác.

Ngày 30 tháng 05 năm 1992, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa có Quyết định số 775/QĐ-TC-UBTH, đổi tên Công ty Cấp nước Thanh Hóa thành Công ty Cấp nước - Thoát nước Thanh Hóa. Nhiệm vụ được bổ sung: Quản lý, khảo sát, thiết kế, thi công hệ thống cấp, thoát nước.

Nhưng thực tế, việc quản lý hệ thống thoát nước tại thị xã Thanh Hóa và các khu đô thị vẫn do chính quyền địa phương tổ chức thực hiện. Do vậy, ngày 15 tháng 4 năm 1996, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa có Quyết định số 1479/TC-UBTH, đổi tên Công ty Cấp nước - Thoát nước Thanh Hóa thành Công ty Cấp nước Thanh Hóa.

3.1.4. Giai đoạn 2005 – Nay

Ngày 29 tháng 7 năm 2005 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định số 2039/QĐ-CT-UBTH về việc chuyển đổi Công ty Cấp nước Thanh Hóa thành Công ty TNHH một thành viên cấp nước Thanh Hóa, gọi tắt là Công ty Cấp nước Thanh Hóa. Từ đây trách nhiệm và quyền hạn của Công ty được rõ ràng hơn, phạm vi quản lý hoạt động cấp nước của Công ty không dừng lại ở địa bàn thành phố Thanh Hóa, thị xã Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn mà mở rộng ra các đô thị, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3.2. Về đầu tư hệ thống cấp nước

- Giai đoạn 1931-1953 ngày đầu thành lập, tổng công suất chỉ đạt 500 m³/ngày đêm, nguồn nước chỉ cung cấp cho các cơ quan thuộc Pháp và một số tư thương. Tuy cơ sở vật

chất ban đầu còn thiếu, công suất khai thác thấp nhưng đây là những khởi đầu quan trọng cho sự phát triển.

- Giai đoạn 1961-1965 nhà máy tiếp tục được đầu tư mở rộng nâng công suất lên 2.900m³/ngày đêm.

- Những năm 1965-1972 do chiến tranh phá hoại Miền Bắc của Mỹ, nhiều công trình của nhà máy bị hư hỏng nặng, công suất nhà máy giảm nghiêm trọng, có thời điểm chỉ đạt 410m³/ngày đêm.

- Từ năm 1973-1975, chiến tranh phá hoại miền Bắc của Mỹ chấm dứt, sản xuất và đời sống của nhân dân được phục hồi, nhà máy khôi phục và hoạt động trở lại công suất nâng lên đạt 2.500m³/ngày đêm.

- Ngày 02 tháng 10 năm 1976 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Luận chứng kinh tế kỹ thuật đầu tư mở rộng nâng cấp công suất Nhà máy nước Thanh Hóa lên 20.000m³/ngày đêm, theo hệ thống lọc nhanh.

- Ngày 01 tháng 7 năm 1995 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 383/TTg phê duyệt dự án đầu tư cấp nước và vệ sinh cho 06 thành phố và thị xã trong đó có Dự án cấp nước và vệ sinh Thanh Hóa – Sầm Sơn bằng nguồn vốn vay ABD; tổng vốn đầu tư là 16,4 triệu USD.

Nhiệm vụ của dự án: Cải tạo, nâng cấp Nhà máy nước Mật Sơn công suất 20.000 m³/ngày đêm; Xây dựng mới Nhà máy nước Hàm Rồng với công suất 50.000 m³/ngày đêm, trước mắt đầu tư đợt 1 công suất 10.000 m³/ngày đêm, nguồn nước lấy từ sông Chu; Trạm bơm tăng áp Quảng Hưng công suất 23.000 m³/ngày đêm và xây mới mạng lưới đường ống, trong đó có 64km đường ống cấp I đường kính từ 200-600mm; 85km đường ống cấp II đường kính từ 100-150mm. Hệ thống mạng đường ống cấp nước đáp ứng được yêu cầu chuyển tải và phân phối cấp nước khi công suất Nhà máy đạt 100.000 m³/ngày đêm.

- Từ năm 2001 đến nay công ty đã tiếp nhận và trực tiếp quản lý, phục vụ cấp nước cho các thị xã và khu đô thị:

- + Ngày 13/3/2001 tiếp nhận Dự án đầu tư Nhà máy nước Bim Sơn, công suất 7.500m³/ngày đêm và được cải tạo nâng công suất lên 10.000 m³/ngày đêm;

- + Ngày 25/12/2001 tiếp nhận hệ thống cấp nước thị trấn Bút Sơn, công suất 750m³/ngày đêm;

- + Ngày 29/01/2008 tiếp nhận hệ thống cấp nước thị trấn Quảng Xương, công suất 1.000m³/ngày đêm;

- + Ngày 16/12/2008 tiếp nhận hệ thống cấp nước thị trấn Rừng Thông, công suất 5.000m³/ngày đêm;

- + Ngày 21/12/2009 tiếp nhận hệ thống cấp nước huyện Tĩnh Gia, công suất 700m³/ngày đêm;

- + Ngày 11/11/2011 tiếp nhận hệ thống cấp nước thị trấn Ngọc Lặc, công suất 1.200 m³/ngày đêm;

- + Ngày 02/10/2010 tiếp nhận hệ thống cấp nước huyện Triệu Sơn, công suất 1.200 m³/ngày đêm;

+ Ngày 23/05/2011 tiếp nhận hệ thống cấp nước Cẩm Thủy, công suất 700m³/ngày đêm;

Trải qua 84 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã không ngừng phát triển, so với ngày đầu thành lập: Tổng công suất thiết kế các nguồn nước đạt 107.950m³/ngày tăng 215,9 lần; Số khách hàng 121.576 hộ tăng 81,05 lần; Sản lượng tiêu thụ năm 2015 đạt 22,67 triệu m³ tăng 155,27 lần; Doanh thu ước đạt 190 tỷ đồng. Độ phủ cấp nước đô thị đạt 92,63% tăng 7,7 lần.

4. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá.

Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch;

- Xây dựng nhà các loại;

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, thủy lợi quy mô vừa và nhỏ, đường dây tải điện và trạm biến áp điện đến 35KV, xây dựng đường, lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và chất thải rắn;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chi tiết: Thẩm định, lập dự án, tổng dự toán và dự toán các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, điện lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây tải điện và trạm biến áp điện đến 35 KV.

Thiết kế công trình hạ tầng, thiết kế công trình dân dụng, thiết kế kiến trúc công trình, giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi.

Tư vấn các lĩnh vực: Đấu thầu xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước.

- Chuẩn bị mặt bằng

- Giáo dục nghề nghiệp

Chi tiết: Đào tạo công nhân kỹ thuật chuyên ngành cấp thoát nước, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực hoạt động của công ty;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

Chi tiết: Dịch vụ khách sạn

- Đại lý du lịch;

- Sản xuất kinh doanh nước lọc tinh khiết, kinh doanh nước sạch.

Tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chìa khóa trao tay.

Thiết kế, chế tạo, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu: máy móc, vật tư thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

Nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

5. Phạm vi hoạt động: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước hoạt động công ích và kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

6. Tổ chức Đảng, đoàn thể:

6.1. Tổ chức Đảng:Đảng ủy Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên Cấp nước Thanh Hóa trực thuộc Đảng ủy Khối doanh nghiệp Thanh Hóa; gồm 12 Chi bộ trực thuộc, với số lượng 120 đảng viên (kể cả đảng viên dự bị).

6.2. Công đoàn Công ty trực thuộc Công đoàn ngành xây dựng Thanh Hóa; gồm 12 tổ công đoàn với 673 Đoàn viên Công đoàn.

6.3. Đoàn thanh niên Công ty trực thuộc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Khối doanh Thanh Hóa; gồm 15 chi đoàn trực thuộc với 216 Đoàn viên thanh niên.

II. Thực trạng của Doanh nghiệp đến thời điểm xác định giá trị Doanh nghiệp (0h ngày 01/01/2015)

A. Tổng cộng nguồn vốn hoạt động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (0h ngày 01/01/2015).

1. Phân theo cơ cấu tài sản.

1.1. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn.

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
A	Tài sản cố định đang dùng	456.927.473.063	157.161.181.268	299.766.291.795
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	167.420.077.327	51.168.057.441	116.251.569.886
2	Máy móc thiết bị	53.537.284.042	24.546.024.602	28.991.259.440
3	Phương tiện vận tải	234.620.254.584	80.239.453.370	154.380.801.214
4	Thiết bị Văn phòng	1.016.435.560	873.774.305	142.661.255
5	Tài sản cố định vô hình	333.421.550	333.421.550	
B	TSCĐ chờ thanh lý			
C	TSCĐ không cần dùng			
D	Chi phí XDCB dở dang	3.985.392.364		3.985.392.364
E	Tài sản dài hạn khác	4.671.810.185		4.671.810.185
	Tổng cộng	465.584.675.612	157.161.181.268	308.423.494.344

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Thanh Hóa là một doanh nghiệp vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vừa là nhà cung cấp trực tiếp sản phẩm nước sạch chính vì vậy giá trị tài sản cố định chiếm một phần rất lớn trong tổng tài sản của Công ty. Tài sản cố định của công ty ngoài nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải,... còn có những tài sản cố định đặc chủng có liên quan đến hoạt động sản xuất của công ty đó là các loại tài sản như: đường ống nước truyền dẫn, đường ống nước phân phối và đường cáp điện truyền dẫn, phần lớn các tài sản cố định này rất khó đánh giá được giá trị còn lại do điều kiện sử dụng.

1.2. Tài sản ngắn hạn.

ĐVT: Đồng

STT	Khoản mục	Thời điểm 0h ngày 01/01/2015
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	27.295.532.587
a	Tiền	6.512.756.597
b	Các khoản tương đương tiền	20.782.775.990
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.600.000.000
3	Các khoản phải thu	41.365.907.865
a	Phải thu khách hàng	30.074.386.914
b	Trả trước cho người bán	779.617.311
c	Phải thu khác	10.511.903.640
d	Dự phòng phải thu khó đòi	
4	Hàng hóa tồn kho	20.122.570.149
a	Nguyên liệu vật liệu	16.070.116.298
b	Công cụ dụng cụ	816.473.117
c	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.235.980.734
5	Tài sản ngắn hạn khác	343.726.053
a	Chi phí trả trước ngắn hạn	
b	Thuế GTGT được khấu trừ	
c	Các khoản thuế phải thu	2.155.500
d	Tài sản ngắn hạn khác	341.570.553
6	Giá trị lợi thế thương mại	100.727.736.654
	Tổng cộng	

2. Phân theo nguồn vốn

2.1. Nguồn vốn:

ĐVT: Đồng

STT	Khoản mục	Thời điểm 31/12/2014
1	Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu	217.093.873.219
2	Quỹ đầu tư phát triển	4.131.661.990
3	Quỹ dự phòng tài chính	2.064.164.981
4	Lợi nhuận chưa phân phối	4.971.402.194
	Tổng cộng	228.261.102.384

2.2. Các khoản công nợ phải trả:

ĐVT: Đồng

STT	Khoản mục	Thời điểm 31/12/2014
I	Nợ ngắn hạn	52.573.677.698
1	Vay nợ ngắn hạn	
2	Phải trả người bán	13.205.873.755
3	Người mua trả tiền trước	1.547.506.305
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.368.278.847
5	Phải trả công nhân viên	5.476.651.008
6	Chi phí phải trả	2.280.469.089
7	Phải trả các đơn vị nội bộ	
8	Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.637.515.787
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.057.382.907
II	Nợ dài hạn	128.316.450.916
1	Vay và nợ dài hạn	128.306.450.916
2	Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	
	Tổng cộng	180.890.128.614

B. Giá trị quyền sử dụng đất:

1. Hiện trạng sử dụng cơ sở nhà, đất của Công ty

Hiện nay Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa có văn phòng công ty và 12 Chi nhánh, quản lý sử dụng 29 cơ sở đất. Tổng diện tích 359.122,4 m², diện tích sàn xây dựng 16.896,1 m². Bao gồm:

- Trụ sở chính công ty: 02 cơ sở, diện tích 172.812,8 m², diện tích sàn xây dựng nhà 16.896,1 m²;

- Chi nhánh cấp nước Bim Sơn: 07 cơ sở, diện tích 12.359 m², diện tích sàn xây dựng nhà 1.065,71 m²;

- Chi nhánh cấp nước Sầm Sơn và KSSM: 03 cơ sở, diện tích 5.290 m², diện tích sàn xây dựng nhà 3870,5 m²;
- Chi nhánh sản xuất nước TP Thanh Hóa: 04 cơ sở, diện tích 43.127 m², diện tích sàn xây dựng nhà 1.093,38 m²;
- Chi nhánh cấp nước Hoằng Hóa: 03 cơ sở, diện tích 31.579 m², diện tích sàn xây dựng nhà 705,03 m²;
- Chi nhánh cấp nước Triệu Sơn: 01 cơ sở, diện tích 20.414 m², diện tích sàn xây dựng nhà 526,33 m²;
- Chi nhánh cấp nước Cẩm Thủy: 01 cơ sở, diện tích 3.626,5 m², diện tích sàn xây dựng nhà 576,94 m²;
- Chi nhánh cấp nước Tĩnh Gia: 03 cơ sở, diện tích 42.209 m², diện tích sàn xây dựng nhà 567,72 m²;
- Chi nhánh cấp nước Quảng Xương: 01 cơ sở, diện tích 1.856 m², diện tích sàn xây dựng nhà 489,1 m²;
- Chi nhánh cấp nước Ngọc Lặc: 01 cơ sở, diện tích 5.600 m², diện tích sàn xây dựng nhà 684,7 m²;
- Chi nhánh cấp nước Nông Cống: 02 cơ sở, diện tích 14.801,1 m², diện tích sàn xây dựng nhà 716,06 m²;
- Chi nhánh cấp nước Đông Sơn: 01 cơ sở, diện tích 5.448 m², diện tích sàn xây dựng nhà 438,56 m²;

2. Tình hình hồ sơ sử dụng đất:

Sau khi thực hiện rà soát lại hồ sơ về đất đai của công ty trong 29 cơ sở có tình hình như sau:

- Có 07 cơ sở công ty đang sử dụng với hình thức: Nhà nước giao đất có thu tiền và được miễn tiền sử dụng đất với diện tích 77.094,6 m²; (Công ty đang đề nghị UBND tỉnh cho chuyển hình thức quản lý và sử dụng từ Nhà nước giao đất có thu tiền và được miễn tiền sử dụng đất sang thuê đất trả tiền hàng năm và được miễn tiền sử dụng đất).
- Có 16 cơ sở nhà đất công ty đang sử dụng với hình thức : Nhà nước cho thuê đất trả tiền thu đất hàng năm với diện tích 233.588,8 m²;
- Có 6 cơ sở nhà đất chưa có hồ sơ giấy tờ Quyết định giao đất cho Công ty với diện tích 48.439 m²; (Công ty đang đề nghị UBND và Sở tài nguyên môi trường hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ pháp lý và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)

C. Cơ cấu tổ chức và lao động

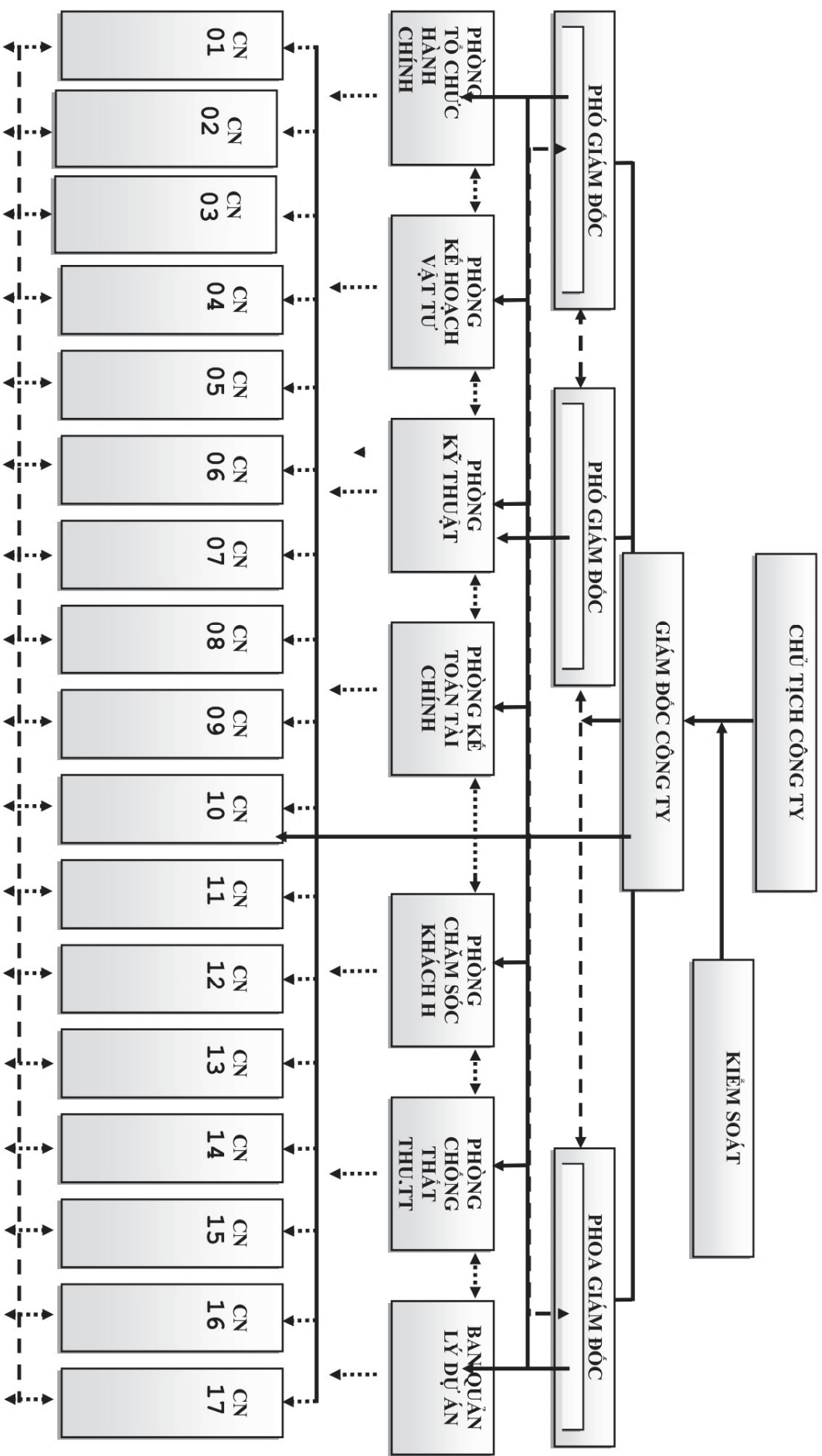
1. Cơ cấu tổ chức

Công ty được tổ chức theo mô hình Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty, Kiểm soát viên. Bộ máy tổ chức quản lý Công ty bao gồm:

- Chủ tịch công ty.
- Ban điều hành Công ty gồm: Giám đốc và các Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc (trong đó: 01 Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh, 01 đ/c Phó Giám đốc kỹ thuật, 01 đ/c Phó Giám đốc phụ trách tư vấn thiết kế trực tiếp là Giám đốc Chi nhánh Xây lắp).
- Bộ máy quản lý bao gồm các phòng, ban giúp việc Giám đốc được tổ chức thành 07 phòng chức năng và 1 Ban quản lý dự án; 17 đơn vị trực thuộc.

Sơ đồ tổ chức hiện tại (Xem trang sau)

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC THANH HÓA



Ghi chú: —

Điều hành trực tiếp

.....

Điều hành chuyên môn

- 01- Chi nhánh Sản xuất nước Thành phố Thanh Hóa
- 02- Chi nhánh Cấp nước Thành phố Thanh Hóa
- 03- Chi nhánh Cấp nước Sầm Sơn
- 04- Chi nhánh Cấp nước Bỉm Sơn
- 05- Chi nhánh Cấp nước Hoằng Hóa
- 06- Chi nhánh Cấp nước Quảng Xương
- 07- Chi nhánh Cấp nước Đông Sơn
- 08- Chi nhánh Cấp nước Tĩnh Gia
- 09- Chi nhánh Xây lắp
- 10- Chi nhánh Tư vấn nước và Môi trường
- 11- Chi nhánh Đồng hồ nước
- 12- Chi nhánh cấp nước Cẩm Thủy
- 13- Chi nhánh cấp nước Ngọc Lặc
- 14- Chi nhánh cấp nước Triệu Sơn
- 15- Chi nhánh cấp nước Nông Cống
- 16- Chi nhánh cấp nước Thạch Thành
- 17- Chi nhánh khách sạn Sông Mã

2. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận trong công ty:

2.1. Chủ tịch công ty

Chủ tịch công ty là người do UDND tỉnh Thanh Hóa bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 năm, là người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại công ty. Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh Thanh Hóa; trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

2.2 Kiểm soát viên

Kiểm soát viên là người do UDND tỉnh Thanh Hóa bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 03 năm, kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh Thanh Hóa; trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

2.3. Ban điều hành

- Giám đốc:

Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, do UBND tỉnh Thanh Hóa (chủ sở hữu) bổ nhiệm. Giám đốc chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh Thanh Hóa; trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

- Các phó Giám đốc:

Phó Giám đốc là người giúp và tham mưu cho Giám đốc trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công.

2.4. Phòng Tổ chức Hành chính.

- Tham mưu giúp Giám đốc Công ty thực hiện các chức năng: Tổ chức lao động, tiền lương, hành chính, bảo vệ trật tự an ninh trong nội bộ Công ty, phân cấp quản lý cán bộ của Công ty

- Xây dựng các phương án, các văn bản quản lý về tổ chức, tham mưu cho Lãnh đạo về trình độ, phong cách, tình hình nhân lực của Công ty, áp dụng các biện pháp nhằm quản lý hiệu quả nguồn nhân lực và tiền lương.

- Xây dựng kế hoạch nhân lực, hướng dẫn thực hiện, tổng kết báo cáo quản trị nhân lực. Xây dựng và thực hiện các đề án, chương trình đào tạo nhân lực và cán bộ, phân cấp và quản lý cán bộ.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy định về chuyên môn nghiệp vụ, các phương án về chế độ, chính sách, sắp xếp lao động, định mức lao động, năng suất lao động, đơn giá tiền lương, chính sách tiền lương, tiền thưởng, chế độ làm việc, nghỉ ngơi, chế độ bảo hiểm, bảo hộ lao động, chế độ hưu trí, thôi việc, đảm bảo an toàn về mặt xã hội và luật pháp cho người lao động.

- Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, công cụ, phương tiện và điều vận phương tiện thuộc lĩnh vực hành chính, quản lý con dấu, công văn, giấy tờ của Công ty theo quy trình, quy phạm quản lý hành chính nhà nước.

- Xây dựng kế hoạch huấn luyện và quản lý lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng bảo vệ trong toàn Công ty.

2.5. Phòng Kế hoạch – Vật tư.

* Nhiệm vụ công tác kế hoạch:

- Tham mưu giúp Giám đốc Công ty xây dựng các chỉ tiêu, kế hoạch tổng hợp về sản xuất kinh doanh, quản lý kinh tế và xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng các nguồn vốn có hiệu quả

- Lập và theo dõi việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch xây lắp, kế hoạch xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn tài sản cố định, kế hoạch vật tư chủ yếu, sử dụng các nguồn vốn và kế hoạch đầu tư các dự án cấp nước trong toàn Công ty theo kế hoạch hàng năm và chiến lược dài hạn của Công ty.

- Tổ chức đấu thầu, lập hợp đồng kinh tế về giao, nhận thầu các công trình xây lắp, thuê nhà thầu phụ. Lập giấy uỷ quyền của Giám đốc công ty cho những người có đủ thẩm quyền ký kết hợp đồng mua bán nước máy, giao nhận thầu các công trình xây lắp, mua sắm vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của nhà nước.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, các chế độ, chính sách của nhà nước trong lĩnh vực quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản đối với các đơn vị trong toàn công ty. Có trách nhiệm thẩm định dự toán, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn, thi công xây lắp, các dự án cấp nước của Công ty theo đúng quy định của nhà nước.

* Nhiệm vụ cung ứng Vật tư:

- Lập kế hoạch mua sắm vật tư, nguyên, nhiên liệu (ngoài các vật tư chủ yếu Phòng Kế hoạch đã lập) theo hàng tháng, quý, năm đảm bảo đáp ứng đủ và kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

- Tổ chức tiếp nhận và chịu trách nhiệm về chất lượng vật tư mua vào, quản lý và kiểm soát hệ thống kho, bãi vật tư, cấp phát vật tư, theo dõi và tổng hợp báo cáo tình hình cung cấp, sử dụng vật tư của toàn Công ty theo định kỳ tháng, quý, năm.

- Quản lý, điều hành các phương tiện xe ô tô và xe cẩu chuyên dùng của Công ty phục vụ việc chuyên chở vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Khai thác, nghiên cứu tìm kiếm nguồn hàng và các nhà cung cấp ổn định, có chất lượng, giá cả phù hợp đảm bảo cho việc sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tổ chức kiểm kê vật tư theo định kỳ của nhà nước quy định, thông báo kịp thời giá vật tư mua vào tới các đơn vị trong toàn công ty đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

2.6. Phòng Kế toán tài chính.

- Tham mưu giúp Giám đốc Công ty về việc thực hiện các chế độ tài chính của Nhà nước. Thực hiện chức năng kiểm soát viên của nhà nước về mặt tài chính tại Công ty.

- Tổ chức hạch toán, kế toán, quản lý và sử dụng các nguồn lực vào sản xuất kinh doanh.

- Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả.

- Tổ chức hạch toán, kế toán toàn Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và Nhà nước về tính pháp lý, tính chính xác của toàn bộ hoạt động kế toán tài chính theo pháp luật kế toán thống kê của Nhà nước.

- Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo, quyết toán, phân tích kết quả sản xuất kinh doanh theo định kỳ và đúng quy định của Nhà nước.

- Phối hợp với các phòng ban liên quan xây dựng kế hoạch năm, dài hạn phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thực hiện công tác kiểm soát viên của Nhà nước tại công ty

- Kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong việc quản lý, thu, chi, sử dụng các loại quỹ, vốn (đặc biệt bằng tiền) và hệ thống tài sản cố định của toàn Công ty.

- Phổ biến hướng dẫn kịp thời các chính sách, chế độ mới về quản lý tài chính, hạch toán kế toán của Nhà nước đến các đơn vị trực thuộc trong toàn Công ty.

- Xây dựng và kiểm soát việc thực hiện các định mức chi phí sản xuất nước trong toàn Công ty trên cơ sở chính sách, chế độ Nhà nước ban hành.

- Lập và giao kế hoạch chi phí sản xuất nước hàng năm cho các đơn vị trực thuộc Công ty.

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện việc thu nộp ngân sách theo quy định của Nhà nước.

- In ấn, phát hành hoá đơn tiền nước (giá trị gia tăng) có kèm theo phí nước thải, quản lý cưỡng hoá đơn đã phát hành, theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả thu về tài khoản của toàn Công ty theo định kỳ tháng, quý, năm.

2.7. Phòng Chăm sóc khách hàng.

- Giúp Giám đốc Công ty nghiên cứu, tổ chức thực hiện chiến lược thị trường và định hướng bán hàng.

- Quản lý theo dõi tiêu thụ sản phẩm nước sạch, công tác ghi đồng hồ nước, thu tiền nước về tài khoản, quỹ Công ty, công tác phát triển khách hàng.

- Xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm nước sạch, kế hoạch doanh thu tiền nước, kế hoạch và định hướng phát triển khách hàng theo các chương trình dài hạn, ngắn hạn, từng tháng, quý, năm cho toàn Công ty.

- Tổng hợp và lập báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tiêu thụ nước sạch của toàn Công ty theo định kỳ tháng, quý, năm.

- Theo dõi quy trình phát triển khách hàng, thẩm định hồ sơ phát triển khách hàng, viết và cấp hợp đồng mua bán nước cho các khách hàng, theo dõi và quản lý khách hàng tiêu thụ nước sạch trong toàn Công ty.

- Kiểm tra theo dõi việc thực hiện giá bán nước sạch đối với các đơn vị trong toàn công ty theo đúng Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định cho từng đối tượng.

- Tiếp nhận thông tin và xử lý các khiếu nại của khách.

- Nghiên cứu thị trường tiêu thụ nước sạch, lập và trình duyệt phương án mở rộng thị trường, chiến lược quảng bá sản phẩm, quy trình giao tiếp và chăm sóc khách hàng.

2.8. Phòng Kỹ thuật .

- Giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện các giải pháp về khoa học và kỹ thuật, công nghệ trong quản lý sản xuất kinh doanh; quản lý, mua sắm vật tư, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

- * Nhiệm vụ thiết kế kỹ thuật:

- Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các quy trình công nghệ sản xuất, công tác khoa học - kỹ thuật, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất của Công ty.

- Lập kế hoạch khai thác nước sản xuất, hoá chất theo hàng năm, kế hoạch dài hạn của toàn Công ty.

- Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật nội bộ, xử lý sự cố hệ thống mạng lưới cấp nước của Công ty.

- Thiết kế và kiểm soát thiết kế các công trình mạng lưới cấp nước, quản lý và thực hiện quy hoạch hệ thống cấp nước theo quy định được phân cấp.

- Kiểm soát quá trình thi công, nghiệm thu công trình thi công lắp đặt hệ thống cấp nước, công trình sửa chữa, xây dựng cơ bản.

- Theo dõi thường xuyên và có biện pháp quản lý các nguồn nước, chất lượng nước, kiểm soát sản phẩm không phù hợp theo đúng quy định.

2.9. Phòng Chống thất thoát, thất thu nước

- Thực hiện kế hoạch chung của công ty về giảm lượng nước thất thoát thất thu của công ty và từng chi nhánh.

- Trên cơ sở phương án tổng thể về chống thất thoát, thất thu của từng Chi nhánh được Giám đốc phê duyệt để tổ chức nghiên cứu lập phương án chi tiết chống thất thoát cho từng khu vực trên địa bàn cấp nước của Công ty;

- Lập kế hoạch, biện pháp và tổ chức thực hiện việc chống thất thoát;

- Định vị, bàn giao các điểm được xác định thất thoát nước cho các Chi nhánh

- Tổ chức, kiểm tra giám sát việc thực hiện xử lý các mối chảy của các Chi nhánh, tổng hợp, thống kê, theo dõi. Đánh giá tỷ lệ thất thoát, thất thu ở các khu vực sau khi đã triển khai thực hiện chống thất thoát, thất thu theo định kỳ về Công ty (qua phòng Kế hoạch Vật tư và Ban chỉ đạo chống thất thoát của Công ty)

2.10. Ban quản lý dự án cấp nước.

- Tham mưu giúp Giám đốc Công ty lập và quản lý các dự án đầu tư do Công ty làm chủ đầu tư theo quy định của Nhà nước.

- Trực tiếp quản lý các dự án đầu tư theo kế hoạch được giao.

- Quản lý vốn, tổ chức giám sát, nghiệm thu kỹ thuật, chất lượng các công trình dự án theo đúng các quy định của nhà nước về quản lý trong xây dựng cơ bản.

3. Tình hình lao động.

Số lượng lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 06/10/2015: 673 người.

Trong đó: Nam: 403 người; Nữ: 270 người.

3.1. Phân loại theo trình độ:

STT	Trình độ	Tổng số người	Tỷ lệ (%)
1	Trên đại học	02	0,30
2	Đại học	178	26,45
3	Cao đẳng	44	6,54
4	Trung cấp	185	27,49
5	CN kỹ thuật, LĐPT, trình độ khác	264	39,22
	Tổng cộng	673	100,00

3.2. Phân loại theo hình thức hợp đồng:

STT	Trình độ	Tổng số người
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Nhà nước bổ nhiệm)	07
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	559
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm	107
4	Lao động làm việc theo mùa vụ, theo công việc nhất định dưới 12 tháng.	0
5	Tạm hoãn HĐLĐ thực hiện nghĩa vụ quân sự	0
	Tổng Cộng	673

3.3. Trình độ đội ngũ nhân sự:

Trình độ đội ngũ nhân sự của Công ty:

Trình độ văn hóa, nghiệp vụ chuyên môn, lý luận chính trị của cán bộ công nhân viên trong Công ty không đồng đều. Số người có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp về chuyên môn, nghiệp vụ, công nhân kỹ thuật chiếm tỷ lệ tương đối lớn (60,78 %), lao động phổ thông chiếm tỷ trọng (39,22%). Tuy nhiên, trong thời gian tới để bắt kịp cùng với sự phát triển của đất nước, của nền kinh tế cũng như sự phát triển của ngành thì Công ty cần chú trọng, quan tâm đến việc nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn, trình độ lý luận nhận thức cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

3.4. Chính sách tuyển dụng:

Trong thời gian tới sau khi tiến hành xong cổ phần hóa, để tiến hành mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty sẽ cần thêm nhân lực mới trong lĩnh vực mở rộng mạng lưới, hệ thống cấp nước.

Thấy trước được yêu cầu này của Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa đã lên kế hoạch tuyển dụng với những tiêu chí khác nhau sao cho tuyển được người phù hợp với định hướng và nhu cầu phát triển của Công ty.

3.5. Công tác đào tạo:

Sau khi tiến hành xong cổ phần hóa, để tiến hành mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, phát huy tiềm năng, lợi thế vốn có của Công ty, Công ty đã đặt ra chính sách đào tạo nhân sự nhằm nâng cao trình độ tay nghề, lý luận nhận thức.

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ tay nghề cho người lao động là yêu cầu tất yếu của sự phát triển, tạo hiệu quả hoạt động của công ty. Để công tác đào tạo có hiệu quả thì công ty cần tiến hành đánh giá phân loại lao động theo trình độ chuyên môn, trình độ tay nghề, năng lực, sở trường, sức khỏe và tuổi tác của

người lao động trong công ty. Sau đó xem xét những ai cần được đào tạo, những ai không thể đào tạo, tái đào tạo. Trên cơ sở đó công ty tiến hành tổ chức đào tạo bồi dưỡng bằng nhiều phương pháp khác nhau:

- Đào tạo tại chỗ: Đào tạo kỹ thuật trong phạm vi trách nhiệm và nhiệm vụ của người lao động nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho họ.
- Khuyến khích người lao động sử dụng thời gian rảnh để tự trao đổi kiến thức.
- Số lao động không thể đào tạo, tái đào tạo do đã cao tuổi thì có thể tiến hành cho họ được nghỉ hưu theo chế độ hiện hành.

Khi tiến hành đào tạo, tái đào tạo công ty cần luôn bám sát cơ cấu lao động đã xác định và yêu cầu của sản xuất. Có như vậy thì công tác đào tạo mới đảm bảo, chất lượng lao động mới được nâng lên.

- Đối với đội ngũ cán bộ quản trị, cần phải trang bị hay trang bị lại những kiến thức kinh doanh hiện đại tạo điều kiện cho các cán bộ làm chủ được các yếu tố bên ngoài của thị trường, hạn chế lãng phí tổn thất do không hiểu biết gây ra.

Để tạo động lực cho tập thể và cá nhân, người lao động công ty cần có biện pháp khuyến khích người lao động. Cần phân phối lợi nhuận thỏa đáng, bảo đảm cân bằng hợp lý thưởng phạt công minh. Đặc biệt là có chế độ đãi ngộ đối với những người giỏi, trình độ tay nghề cao hay những người có những ý kiến đóng góp cho công ty trong kinh doanh.

Công ty có kế hoạch, tạo điều kiện cho CBCNV học các lớp học về quản lý, vi tính, ngoại ngữ, vận hành bảo dưỡng thiết bị, công trình, quản lý tài chính, tham quan học tập ở trong và ngoài tỉnh Thanh Hóa.

D. Tình hình kinh doanh trước khi cổ phần hoá

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hoá

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng tài sản	372.946.092.544	407.040.567.423	419.521.784.444
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	215.837.719.951	224.464.644.863	224.464.644.863
3	Doanh thu thuần	140.171.637.781	180.744.623.994	186.166.970.000
4	Lợi nhuận trước thuế	0	5.180.637.082	5.284.249.000
5	Lợi nhuận sau thuế	0	4.040.896.924	4.121.714.000

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Hệ số	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	%	205,94	254,79	185,64
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	%	126,03	187,40	148,55
	+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn				
2	2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,43	0,42	0,45
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,75	0,73	0,81
3	3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Vòng	3,83	5,40	6,88
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,32	0,38	0,44
4	4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,24		
		%	2,37		2,23
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,35		1,80
					0,99
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,66		2,88
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần				

3. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm 2014

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thanh Hóa là Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh hóa do UBND tỉnh Thanh Hóa là Chủ sở hữu.

Giá nước do UBND tỉnh Thanh Hóa quyết định cho Công ty theo dự toán nên các khoản vay nợ ngắn hạn và dài hạn của Công ty thấp, các hệ số nợ trên tổng tài sản, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đều nhỏ hơn 1, đảm bảo an toàn về mặt tài chính cho Công ty.

Tuy nhiên việc hệ số nợ thấp, Công ty đã không phát huy được tác động của đòn bẩy tài chính do vậy hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu của Công ty chưa được cao. Sau khi tiến hành cổ phần hóa, Công ty nên cơ cấu lại nguồn vốn sao cho đạt được cơ cấu nguồn vốn tối ưu, vừa đảm bảo an toàn về mặt tài chính mà chi phí sử dụng vốn thấp nhất.

Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của Công ty năm sau lớn hơn năm trước. Đây sẽ là tiền đề hỗ trợ rất lớn khi Công ty tiến hành chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần.

3.1. Thuận lợi:

- Công ty được sự quan tâm, tạo điều kiện của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban ngành của tỉnh và chính quyền các địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt động của Công ty.

- Tập thể CBCNV Công ty luôn đoàn kết nhất trí, gắn bó với nghề nghiệp, có kinh nghiệm trong công tác, được trải nghiệm qua thực tế nhiều năm qua.

- Nhiệm vụ kinh doanh dịch vụ chuyên ngành, các sản phẩm hoạt động công ích ngày càng được nâng cao, cải thiện. Do vậy, Công ty ngày càng nhận được sự tin tưởng của các cấp lãnh đạo tỉnh, sự hài lòng, ủng hộ của khách hàng.

3.2. Khó khăn:

- Cơ sở hạ tầng các công trình cấp nước còn thiếu và cũ, nhiều công trình xuống cấp không được nâng cấp cải tạo hàng năm.

- Điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, thách thức do tác động của tình trạng suy thoái kinh tế, chi phí nguyên vật liệu, hóa chất, điện,... tăng cao dẫn đến chi phí sản xuất nước sạch tăng; đặc biệt do sự biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng nặng nề đến nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt cho người dân; Việc đầu tư các dự án mở rộng mạng lưới cấp nước gặp nhiều khó khăn do nguồn vốn còn hạn chế.

- Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch vừa mang tính kinh doanh, vừa mang tính công ích để đảm bảo ổn định đời sống nhân dân trong tỉnh. Vì vậy, giá bán nước sạch chưa được điều chỉnh kịp thời, nên hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh những năm qua chưa cao.

4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động của công ty

4.1 Nguyên vật liệu

- Nguồn nguyên vật liệu: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Thanh Hóa là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh nước sạch và kinh doanh dịch vụ do vậy nguyên vật liệu của Công ty bao gồm cả 2 lĩnh vực. Nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty như là nước tự nhiên, nguồn nước do các Công ty TNHH một thành viên khai thác và quản lý các công trình thủy lợi trong tỉnh cung cấp (nước thô), điện, hóa chất... Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ như sửa chữa, bảo dưỡng, xây dựng các công trình dân dụng, nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty như là xi măng, sắt thép, đá xây dựng,...

- Giá nguyên vật liệu đầu vào có ảnh hưởng rất lớn tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Do nhận biết được vấn đề này, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Thanh Hóa đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa sự biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào.

4.2. Chi phí sản xuất

Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty trong các năm gần đây được thể hiện trong bảng sau:

- Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa so với doanh thu thuần.

. ĐVT: triệu đồng

TT	Yếu tố chi phí	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị	% so với doanh thu	Giá trị	% so với doanh thu	Giá trị	% so với doanh thu
I	Doanh thu	141.877.925.505		184.077.096.978		188.309.324.121	
1	Doanh thu bán hàng	140.254.771.781		180.744.623.994		186.166.970.000	
2	DT HĐ tài chính + thu nhập khác	1.623.153.724		3.332.472.984		2.142.354.121	
II	Yếu tố chi phí	141.906.724.402	100,02	178.896.459.896	97,18	183.025.075.121	97,17
1	Giá vốn hàng bán	106.554.922.347	75,10	138.450.262.457	75,21	137.689.764.013	75,23
2	Chi phí bán hàng	14.559.283.872	10,26	16.502.168.848	8,96	16.289.231.685	8,90
3	Chi phí QL DN	16.496.583.001	11,62	17.233.935.842	9,36	16.929.818.448	9,25
4	Chi phí tài chính	4.043.354.574	2,85	5.620.803.209	3,05	1.458.295.769	3,06
5	Chi phí khác	252.580.608	0,18	1.089.289.540	0,60	1.065.796.520	0,75
III	LN trước thuế	(28.798.897)		5.180.637.082	2,81	5.284.249.000	

- Cơ cấu chi phí

Công ty TNHH 1 thành viên Cấp nước Thanh Hóa là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp sản phẩm nước sạch phục vụ sinh hoạt và các nhu cầu khác trên địa bàn toàn tỉnh, ngoài ra Công ty còn kinh doanh dịch vụ chuyên ngành. Nên chi phí về nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là chi phí về điện, hóa chất, nguyên nhiên liệu, vật tư ngành nước.

Chi phí là yếu tố cơ bản cấu thành nên giá thành sản phẩm. Sự phân bổ chi phí có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc kiểm soát tốt các yếu tố chi phí là nhân tố quan trọng tác động trực tiếp tới cơ cấu giá thành, doanh thu, lợi nhuận thu được. Do vậy Công ty cần chú trọng tới việc quản lý tốt các yếu tố chi phí đầu vào nhằm tăng cường lợi thế cạnh tranh, tăng doanh thu, lợi nhuận.

4.3. Trình độ công nghệ.

Để phục vụ cho quá trình hoạt động của mình được liên tục và không bị ngắt quãng Công ty đã tiến hành đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải tiên tiến,

phù hợp với nhu cầu hoạt động, điều này đã góp phần không nhỏ làm tăng năng suất, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

4.4. Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ

Để đảm bảo chất lượng các dịch vụ của mình, Công ty đã xây dựng các phòng thí nghiệm để kiểm tra giám sát chất lượng nước sạch. Chi nhánh đồng hồ nước để kiểm tra kiểm định đồng hồ đo đếm nước sạch của Công ty theo đúng tiêu chuẩn đo lường.

Công ty đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008 để chuẩn các quy trình giải quyết công việc một cách khoa học; từng bước cải tiến phương pháp làm việc, tạo điều kiện thuận lợi cho từng cán bộ, công chức, phòng, ban giải quyết công việc thông suốt, kịp thời, hiệu quả; đơn giản hoá quy trình và rút ngắn thời gian giải quyết công việc của Công ty.

4.5. Triển vọng phát triển ngành

- Xét trên bình diện toàn tỉnh thì Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa là Doanh nghiệp chủ lực được UBND tỉnh giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và bán nước sạch phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh.

- Nước sạch là loại hàng hoá mang tính chất dịch vụ công cộng, sản phẩm sản xuất ra được nhân dân và các ngành kinh tế tiêu thụ ngay. Cũng do tính độc quyền cao và đặc điểm của sản phẩm nên đã tạo được khá nhiều thuận lợi cho công ty tiến hành hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ nên chất lượng phục vụ luôn được đặt lên hàng đầu. Bên cạnh đó Ban giám sát hoạt động có hiệu quả vì thế chất lượng các hoạt động công ích của Công ty ngày càng được nâng cao nên Công ty ngày càng được khách hàng tin tưởng và ủng hộ. Đây là yếu tố rất thuận lợi giúp Công ty có khả năng cạnh tranh sau khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần tự hạch toán thu chi, lãi, lỗ.

- Nước sạch là thứ hàng hóa không thể thiếu với tất cả mọi người, mọi ngành, Khi nền kinh tế ngày càng phát triển thì yêu cầu, đòi hỏi về vấn đề nước sạch ngày càng cao. Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, đây là lĩnh vực mà cả Chính phủ, người dân và thế giới nói chung quan tâm. Hiện nay có rất nhiều dự án tài trợ nhằm phát triển hệ thống cung cấp nước sạch cho xã hội, do vậy triển vọng phát triển của Công ty là rất lớn.

5. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý.

5.1. Về tài chính

Đề nghị các ngành phối hợp chỉ đạo, giải quyết các vướng mắc về hồ sơ tăng giá trị tài sản cố định thuộc dự án phát triển toàn diện cấp nước thành phố.

5.2. Về đất đai.

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường cùng các ngành có liên quan hướng dẫn công ty thực hiện lập hồ sơ, thủ tục để ký Hợp đồng thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, các tài sản gắn liền với đất theo quy định

(Phương án sử dụng đất).

PHẦN B

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ

Tổ giúp việc cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa Báo cáo Ban chỉ đạo cổ phần hóa Doanh nghiệp thẩm định và trình UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Phương án chuyển Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa thành Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa theo các nội dung sau:

I. Hình thức cổ phần hóa.

Căn cứ theo tình hình thực tế và quy định tại điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, lựa chọn hình thức cổ phần hóa là **bán một phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.**

II. Doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa.

1. Tên Công ty

1.1. Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA

1.2. Tên viết tắt:

1.3. Tên tiếng Anh: THANH HOA WATER JOINT STOCK COMPANY

1.4. Tên Tiếng Anh viết tắt: THAWACO

2. Trụ sở chính: Số 99 đường Mật Sơn, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Điện thoại: (037).3852 966 - FAX: (037).3856 648

- Email: @gmail.com - Website: .com.vn

III. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá.

Chi tiết: Sản xuất nước sạch;

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, thủy lợi quy mô vừa và nhỏ, đường dây tải điện và trạm biến áp điện đến 35KV, xây dựng đường, lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và chất thải rắn;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chi tiết: Thẩm định, lập dự án, tổng dự toán và dự toán các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, điện lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây tải điện và trạm biến áp điện đến 35 KV.

Thiết kế công trình hạ tầng, thiết kế công trình dân dụng, thiết kế kiến trúc công trình, giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi.

Tư vấn các lĩnh vực: Đấu thầu xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước.

- Chuẩn bị mặt bằng
- Giáo dục nghề nghiệp

Chi tiết: Đào tạo công nhân kỹ thuật chuyên ngành cấp thoát nước, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực hoạt động của công ty;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

Chi tiết: Dịch vụ khách sạn

- Đại lý du lịch;
- Sản xuất kinh doanh nước lọc tinh khiết, kinh doanh nước sạch.

Tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chìa khóa trao tay.

Thiết kế, chế tạo, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu: máy móc, vật tư thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

Nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

IV. Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 0h ngày 01 tháng 01 năm 2015 được xác định theo số 3897/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá của Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa, như sau:

1. Giá trị thực tế của Công ty:	499.167.695.080 đồng
2. Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp:	318.277.566.466 đồng
3. Tài sản không đưa vào cổ phần hóa:	4.876.533.765 đồng
- Tài sản không cần dùng:	201.633.254 đồng
- Tài sản chờ thanh lý:	4.674.900.511 đồng
- Tài sản nhận giữ hộ Nhà nước:	đồng

Đơn vị: VNĐ

TT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
	(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	409.151.230.998	499.167.695.080	90.016.464.082
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	308.423.494.344	399.444.971.389	91.021.477.045
1	Tài sản cố định	299.766.291.795	390.787.768.840	91.021.477.045
-	Tài sản cố định hữu hình	299.766.291.795	390.721.084.530	90.954.792.735
-	Tài sản cố định vô hình		66.684.310	66.684.310
2	Chi phí XDCB dở dang	3.985.392.364	3.985.392.364	
3	Chi phí trả trước dài hạn (chưa bao gồm lợi thế vị trí kinh doanh)	4.671.810.185	4.671.810.185	
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	100.727.736.654	99.021.045.391	(1.706.691.263)
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	6.512.756.597	6.512.756.597	-
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.382.775.990	32.382.775.990	
3	Các khoản phải thu	41.365.907.865	41.365.907.865	
4	Vật tư, hàng hóa tồn kho	20.122.570.149	15.601.894.540	(4.520.675.609)
5	Tài sản lưu động khác	343.726.053	3.157.710.399	2.813.984.346
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp (nếu có)		701.678.300	701.678.300
IV	Giá trị quyền sử dụng đất			-
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG		201.633.254	201.633.254
1	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn		201.633.254	201.633.254
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ		4.674.900.511	4.674.900.511
1	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn		154.224.902	154.224.902
2	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn		4.520.675.609	4.520.675.609
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG PL			
E	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	409.151.230.998	504.044.228.845	94.892.997.847
E1	Trong đó: TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP ĐỀ CỎ PHÂN HÓA (Mục A)	409.151.230.998	499.167.695.080	90.016.464.082
E2	Nợ thực tế phải trả	180.890.128.614	180.890.128.614	
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [E1 – E2]	228.261.102.384	318.277.566.466	90.016.464.082

V. Cơ cấu vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ và số cổ phần phát hành

1.1. Vốn điều lệ dự kiến: 318.277.000.000 đồng

(Bằng chữ: Ba trăm mười tám tỷ, hai trăm bảy bảy triệu đồng chẵn).

1.2. Mệnh giá của mỗi cổ phần: 10.000 đồng (Mười ngàn đồng chẵn).

1.3. Tổng số cổ phần 31.827.700 CP, Trị giá 318.217.000.000 VNĐ

2. Cơ cấu vốn điều lệ, tỷ lệ cổ phần của các cổ đông:

2.1. Cổ phần Nhà nước: 20.369.728 cổ phần, chiếm 64,00% vốn điều lệ.

2.2. Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp: 2.819.540 cổ phần, chiếm 8,85%. Trong đó:

- Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp: 864.540 cổ phần chiếm 2,71% vốn điều lệ;

- Cổ phần bán theo giá ưu đãi mua thêm cho người lao động trong doanh nghiệp : 1.955.000 cổ phần chiếm 6,14% vốn điều lệ;

2.3. Cổ phần bán cho nhà đầu tư khác ngoài doanh nghiệp: 8.638.432 cổ phần, chiếm 27,15% vốn điều lệ.

2.4 Cổ phần ưu đãi bán cho tổ chức công đoàn

- Số cổ phần Công đoàn Công ty mua theo quy định tại Điểm c Mục 2 Điều 36, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì được tính tối đa là 3% vốn điều lệ, giá bán cổ phần cho Công đoàn công ty trong trường hợp này bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

- Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp tổ chức Công đoàn không đăng ký mua theo quy định trên.

(Có phụ lục kèm theo)

3. Kế hoạch bán đấu giá cổ phần

3.1. Thời gian dự kiến: Trong tháng 11/2015.

3.2. Số lượng cổ phần bán đấu giá: 8.638.432 cổ phần.

3.3. Phương thức bán đấu giá cổ phần: Bán đấu giá công khai

- Cơ quan tổ chức đấu giá: Ban chỉ đạo lựa chọn đơn vị tư vấn bán cổ phần

- Địa điểm bán cổ phần: Sàn giao dịch chứng khoán

3.4. Giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng một cổ phần).

3.5. Số lượng bán tối thiểu cho một cá nhân hoặc tổ chức là 100 cổ phần.

3.6. Số lượng bán tối đa cho một cá nhân không quá: 8.638.432 cổ phần.

3.7. Trường hợp số cổ phần bán không hết thì được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Rủi ro dự kiến.

4.1. Rủi ro về kinh tế.

Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế thì vấn đề nước sạch ngày càng trở nên cần thiết và cấp bách. Chính phủ Việt Nam đã ban hành rất nhiều văn bản, chính sách nhằm phát triển ngành.

Trong xu hướng hội nhập thì vấn đề về nước sạch ngày càng trở nên thiết yếu và quan trọng đối với mỗi người dân Việt Nam.

Do vậy có thể nói hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa trong thời gian tới không gặp trở ngại đáng kể từ nền kinh tế.

4.2. Rủi ro về luật pháp.

Trong quá trình hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa có thể gặp một số rủi ro sau:

Rủi ro về chính sách vĩ mô của Nhà nước thay đổi dẫn tới định hướng phát triển mở rộng của Công ty có thể gặp một số khó khăn.

Hệ thống pháp luật kinh doanh nói chung còn thiếu đồng bộ, cơ sở pháp lý cho các hoạt động trong lĩnh vực.

4.3. Rủi ro đặc thù.

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch ... nên phụ thuộc rất nhiều vào ý thức của người dân và sự biến đổi của khí hậu.

4.4. Rủi ro của đợt chào bán.

Đợt phát hành ra công chúng lần đầu của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa nhằm mục đích bán một phần vốn Nhà nước, trở thành Công ty cổ phần, hoạt động sao cho có hiệu quả hơn.

Tuy nhiên trong thời điểm hiện tại và trong thời gian sắp tới, thị trường Chứng khoán chưa có dấu hiệu phục hồi. Do vậy việc phát hành lần này của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa bị ảnh hưởng khá lớn. Giá bán phải ở mức hấp dẫn để thu hút sự tham gia, quan tâm của các nhà đầu tư.

Bên cạnh đó do giá bán nước sinh hoạt do UBND tỉnh quy định, giá đầu vào lại theo giá thị trường nên hiệu quả thấp. Mặt khác cổ đông Nhà nước vẫn nắm giữ cổ phần chi phối (64%) nên sự quan tâm của các nhà đầu tư đến Công ty còn chưa nhiều.

4.5. Rủi ro khác.

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa,...là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ

gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa.

5. Dự toán chi phí cổ phần hóa.

Dự toán chi phí cổ phần hóa trong giai đoạn hiện tại: 500.000.000 đồng
(Năm trăm triệu đồng chẵn)

6. Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2016 đến 2020 của công ty

STT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Dự kiến kế hoạch năm				
			2016	2017	2018	2019	2020
I	CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT						
1	Sản lượng nước sản xuất	1.000 m3	30.537	32.064	33.667	35.350	37.118
2	Sản lượng nước hàng hóa	1.000 m3	22.428	23.550	24.727	25.963	27.262
3	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%					
II	CÁC CHỈ TIÊU CHUNG						
1	Tổng tài sản	Tr. đồng	529.117	560.864	588.907	618.352	655.453
2	Vốn Chủ sở hữu (Vốn điều lệ)	Tr. đồng	318.277	318.277	318.277	318.277	318.277
3	Tổng doanh thu	Tr. đồng	178.117	181.000	190.000	201.400	213.500
4	Tổng chi phí	Tr. đồng	171.617	173.800	181.900	192.970	204.733
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	6.500	7.200	8.100	8.430	8.767
6	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	Tr. đồng	1.430	1.584	1.620	1.686	1.753
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	5.070	5.616	6.480	6.744	7.014
7.1	Trích quỹ đầu tư phát triển (15%)	Tr. đồng	760	824	972	1.012	1.052
7.2	Trích quỹ dự phòng tài chính (5%)	Tr. đồng	253	280	324	337	351
7.3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5%)	Tr. đồng	253	280	324	337	351
7.4	Lợi nhuận còn lại để trả cổ tức	Tr. đồng	3.804	4.232	4.860	5.058	5.260

STT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Dự kiến kế hoạch năm				
			2016	2017	2018	2019	2020
8	Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	% (năm)	1,19	1,33	1,52	1,59	1,65
9	Nộp ngân sách	Tr. đồng	10.500	11.000	11.600	12.180	12.789
10	Tổng số lao động	Người	655	687	722	758	796
11	Thu nhập bình quân/người/tháng	1.000 đ	6.256	6.881	7.569	8.326	9.159

7. Dự kiến kế hoạch sử dụng tiền thu bán cổ phần

Trên cơ sở giá trị thực tế vốn Nhà nước, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại công ty cổ phần, Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa dự kiến Kế hoạch hoàn vốn Ngân sách như sau:

Theo phương án giả định số cổ phần bán hết cho CBCNV và đấu giá công khai thành công với mệnh giá 10.000 đồng/1cổ phần.

STT	Khoản mục	Số tiền
1	Vốn điều lệ công ty cổ phần	318.277.000.000
2	Giá trị vốn Nhà nước thực tế tại DN sau khi đánh giá lại	318.277.566.466
3	Giá trị mệnh giá bán đấu giá cổ phần	10.000
4	Tiền thu từ bán cổ phần	111.121.560.000
	Thu bán CBCN viên cổ phần ưu đãi 60% (864.540)	5.187.240.000
	Thu bán CBCNV cổ phần mua thêm 100%(1.955.000)	19.550.000.000
	Thu bán đấu giá công khai (8.638.432)	86.384.320.000
5	Giá trị vốn góp cổ phần của Nhà nước	203.697.280.000
6	Chi phí cổ phần hóa	500.000.000
7	Chi phí giải quyết chính sách cho người lao động	1.320.624.350

Số tiền thu được từ cổ phần hóa doanh nghiệp sẽ được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa theo chế độ nhà nước quy định, thanh toán chi trả giải quyết chính sách lao động dôi dư khi cổ phần hóa. Phần còn lại đề nghị UBND tỉnh cho Công ty cổ phần cấp nước Thanh hóa được sử dụng để tái đầu tư.

VI. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của Công ty sau cổ phần hóa

Phương án đầu tư, tổ chức hoạt động kinh doanh sau cổ phần hóa sẽ do Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa quyết định. Với những điều kiện thuận lợi hiện có của doanh nghiệp, kết hợp với những thông tin, dự báo về nhu cầu của tỉnh Thanh Hóa trong tương lai, Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa xây dựng một số chỉ tiêu kinh tế tài chính, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa như sau:

1. Cơ sở hoạch định.

1.1. Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian trước.

1.2. Quyết định số /QĐ-UBND ngày của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh quy hoạch cấp nước các đô thị và khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Công ty phấn đấu là doanh nghiệp đứng đầu ngành của tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Phấn đấu là doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên trong Công ty. Gắn mục tiêu phát triển của Công ty với mục tiêu phát triển của cán bộ công nhân viên.

3. Chiến lược phát triển

3.1. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, các cơ hội, các nguy cơ (SWOT).

ĐIỂM MẠNH (S)	ĐIỂM YẾU (W)
Công ty TNHH một thành viên Thanh Hóa là công ty chủ lực được UBND tỉnh giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ nhu cầu Sản xuất và tiêu dùng trong Tỉnh. Do đặc điểm của sản phẩm đã tạo được khá nhiều thuận lợi cho công ty tiến hành hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh - Công ty là doanh nghiệp vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vừa là nhà cung cấp trực tiếp sản phẩm nước sạch. Mặt khác Ban lãnh đạo Công ty năng động, tổ chức hoạt động có hiệu quả nên chất lượng các hoạt động của Công ty ngày càng được cải thiện và nâng cao. Công ty ngày càng nhận được sự ủng hộ, quan tâm của các khách hàng khi sử dụng dịch vụ. - Khi nền kinh tế ngày càng hội nhập và phát triển thì vấn đề về nước sạch sẽ ngày càng được Nhà nước quan tâm, sự hỗ trợ của các nước phát triển, các Tổ chức trong và ngoài nước. Chính vì vậy cơ hội phát triển của Công ty là rất lớn.	- Ngành kinh doanh nước sạch thuộc lĩnh vực cơ sở hạ tầng nên vốn đầu tư lớn, chủ yếu là nguồn vốn vay ngân hàng, mục tiêu của dự án chủ yếu phục vụ an sinh xã hội, thời gian thu hồi vốn kéo dài... - Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước sạch, cung cấp dịch vụ, sản phẩm hoạt động của Công ty được thực hiện theo giá Nhà nước quy định. Tuy nhiên, do giá trị tài sản lớn, giá nước không đủ bù đắp chi phí sản xuất thực tế. Nếu tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí của giá thành toàn bộ và lợi nhuận hợp lý thì giá tiêu thụ nước sạch sẽ tăng đột biến làm ảnh hưởng lớn đến phát triển sản xuất và an sinh xã hội của tỉnh. Đây là một điểm yếu của Công ty khi trở thành Công ty cổ phần, phải tự hạch toán thu chi, lãi lỗ - Ban lãnh đạo của Công ty cũng như CBCNV chưa bắt kịp sự thay đổi cơ chế quản lý. Tư tưởng ỷ lại, trì trệ, bao cấp của một bộ phận người lao động vẫn còn nặng nề.

CÁC CƠ HỘI (O)	CÁC NGUY CƠ (T)
- Trong những năm tới, cùng với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội nhu cầu nước sạch rất cao. Đây là thuận lợi rất lớn đối với Công ty về khối lượng công việc dành cho CBCNV trong tương lai. - Tỉnh Thanh Hóa đang trong quá trình đổi mới và thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước rất mạnh mẽ. Do vậy Công ty được hòa nhập với sự phát triển chung của tỉnh. - Công ty có bề dày kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước sạch nên tạo được sự tin tưởng của khách hàng đối với Công ty. Đây là cơ hội lớn cho Công ty khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần	- Khi nền kinh tế phát triển, các ngành công nghiệp cũng phát triển. Theo đó yêu cầu nước sạch rất cao. Do vậy Công ty sẽ phải cố gắng, nỗ lực rất nhiều trong quá trình hoạt động để đạt được mục tiêu đề ra cũng như để đạt được chỉ tiêu mà UBND tỉnh Thanh Hóa giao. - Là tỉnh rộng lớn có địa hình phức tạp, Thanh Hóa có nguồn nước sạch rất hạn chế nhất là về mùa khô. - Việc quy hoạch đô thị chưa được ổn định cũng như việc chấp hành về quy hoạch đã được duyệt không tốt, đã ảnh hưởng đến hệ thống cấp nước hiện có và việc phát triển hệ thống cấp nước phục vụ khách hàng. - Cùng với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật, các kỹ thuật tiên tiến sẽ được áp dụng mới vào trong quá trình xử lý nước ... Tuy hiện tại Công ty trình độ của đội ngũ CBCNV chưa cao, sự tiếp thu cũng như áp dụng kỹ thuật sẽ gặp khó khăn. Do vậy nếu không nâng cao trình độ đội ngũ CBCNV thì đây sẽ là nguy cơ của Công ty trong tương lai gần.

3.2. Các mục tiêu chính trong thực hiện công tác cấp nước

Mục tiêu hoạt động của Công ty sau khi cổ phần hóa theo các tiêu chí như sau:

- Thực hiện theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong công tác cấp nước, giữ vững ổn định trong hoạt động của Công ty sau khi cổ phần hóa.
- Đảm bảo việc cấp nước đạt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và đảm bảo nhu cầu dùng nước của nhân dân thuộc các địa bàn Công ty được giao quản lý mạng lưới cấp nước
- Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên thống nhất, đoàn kết nhằm hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch được giao.
- Mở rộng ngành nghề hoạt động kinh doanh, tiến tới mở rộng thị trường nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

4. Phương án sản xuất kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa

4.1 Phương án sử dụng đất

Căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty sau cổ phần hóa. Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa tiếp tục sử dụng toàn bộ 29 cơ sở đất và được giữ nguyên mục đích sử dụng đất như hiện nay với diện tích 359.122,4 m², diện tích sàn nhà 16.896,1m².

- Đối với 7 cơ sở đất Nhà nước giao đất có thu tiền và được miễn tiền sử dụng đất. Công ty đề nghị tiếp tục sử dụng và xin chuyển đổi hình thức quản lý, sử dụng từ Nhà nước giao đất sang cho thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm, với diện tích 77.094,6m². Đã được UBND tỉnh đồng ý theo công văn số 9151/UBND-NN ngày 08 tháng 9 năm 2015;

- 16 cơ sở nhà đất công ty đang sử dụng với hình thức : Nhà nước cho thuê đất trả tiền thu đất hàng năm với diện tích 233.588,8 m². Đề nghị giữ nguyên hình thức và hiện trạng sử dụng đất như hiện nay ;

- 06 cơ sở nhà đất chưa có hồ sơ pháp lý, Quyết định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 48.439 m². Công ty đã nghị UBND tỉnh đồng ý cho công ty được tiếp tục sử dụng theo hiện trạng như hiện nay và ra Quyết định cho Công ty thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm, đồng thời cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật ;

Cụ thể bao gồm:

- Trụ sở chính công ty: 02 cơ sở, diện tích 172.812,8 m², diện tích sàn xây dựng nhà 6.162,12 m²;

- Chi nhánh cấp nước Bim Sơn: 07 cơ sở, diện tích 12.359 m², diện tích sàn xây dựng nhà 1.065,71 m²;

- Chi nhánh cấp nước Sầm Sơn: 03 cơ sở, diện tích 5.290 m², diện tích sàn xây dựng nhà 3870,5 m²;

- Chi nhánh sản xuất nước TP Thanh Hóa: 04 cơ sở, diện tích 43.127 m², diện tích sàn xây dựng nhà 1.093,38 m²;

- Chi nhánh cấp nước Hoằng Hóa: 03 cơ sở, diện tích 31.579 m², diện tích sàn xây dựng nhà 705,03 m²;

- Chi nhánh cấp nước Triệu Sơn: 01 cơ sở, diện tích 20.414 m², diện tích sàn xây dựng nhà 526,33 m²;

- Chi nhánh cấp nước Cẩm Thủy: 01 cơ sở, diện tích 3.626,5 m², diện tích sàn xây dựng nhà 576,94 m²;

- Chi nhánh cấp nước Tĩnh Gia: 03 cơ sở, diện tích 42.209 m², diện tích sàn xây dựng nhà 567,72 m²;

- Chi nhánh cấp nước Quảng Xương: 01 cơ sở, diện tích 1.856 m², diện tích sàn xây dựng nhà 489,1 m²;

- Chi nhánh cấp nước Ngọc Lặc: 01 cơ sở, diện tích 5.600 m², diện tích sàn xây dựng nhà 684,7 m²;

- Chi nhánh cấp nước Nông Cống: 02 cơ sở, diện tích 14.801,1 m², diện tích sàn xây dựng nhà 716,06 m²;

- Chi nhánh cấp nước Đông Sơn: 01 cơ sở, diện tích 5.448 m², diện tích sàn xây dựng nhà 438,56 m²;

Phương án sử dụng đất của Công ty đã được UBND tỉnh Thanh Hóa chấp thuận tại văn bản số: 9666/UBND-KTTC ngày 21/9/2015.

4.2. Phương án lao động

Dựa trên cơ sở nguồn lao động hiện có và kế hoạch kinh doanh của Công ty sau khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần, Công ty dự kiến sắp xếp lại toàn bộ lực lượng lao động. Số liệu cụ thể về lao động tại thời điểm có quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá được thể hiện trong bảng dưới đây:

STT	Chỉ tiêu	Tổng số người
I	Tổng số lao động tại thời điểm có quyết định CPH, chia ra:	673
1	- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (UV HĐQT, TGD, PTGD, KTT + Chủ tịch Công đoàn)	07
2	- Lao động làm việc theo HĐLĐ	666
	a/ Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	559
	b/Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	107
	c/Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định có thời gian dưới 12 tháng	0
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty.	0
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	18
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	0
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ.	0
	a/Hết hạn HĐLĐ	0
	b/Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ	0
	c/Chấm dứt HĐLĐ với lý do khác	0
3	Số LĐ không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố GTDN	18
	a/ Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP	18
	b/ Số lao động phải chấm dứt HĐLĐ và trả trợ cấp mất việc làm	0
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	655
1	Số LĐ mà HĐLĐ đang còn thời hạn	655

STT	Chỉ tiêu	Tổng số người
2	Số LĐ nghỉ hưởng chế độ BHXH. Chia ra:	0
	- Ốm đau	0
	- Thai sản	0
	- Bị tạm giam, tạm giữ	0
	- Do hai bên thỏa thuận (không quá 3 tháng)	0
3	Số LĐ tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, chia ra:	0
	- Nghĩa vụ quân sự	0
	- Nghĩa vụ công dân khác	0
	- Bị tạm giam, tạm giữ	0
	- Do hai bên thỏa thuận (không quá 3 tháng)	0

(Có phụ lục kèm theo)

4.3. Chính sách đối với người lao động

Các chính sách về lao động của Công ty trong giai đoạn 2016- 2020 có những điểm chính sau:

- Đối với lao động chuyển sang làm việc công ty cổ phần, Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động và các chính sách của Công ty.

+ Việc trả lương thực hiện theo quy chế trả lương trả thưởng của Công ty theo mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc.

+ Thực hiện BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách Nhà nước.

+ Về tiền thưởng: theo quy định của nhà nước và quy chế của Công ty.

+ Kế hoạch cụ thể về Quỹ lương của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban Giám đốc theo đúng quy định hiện hành.

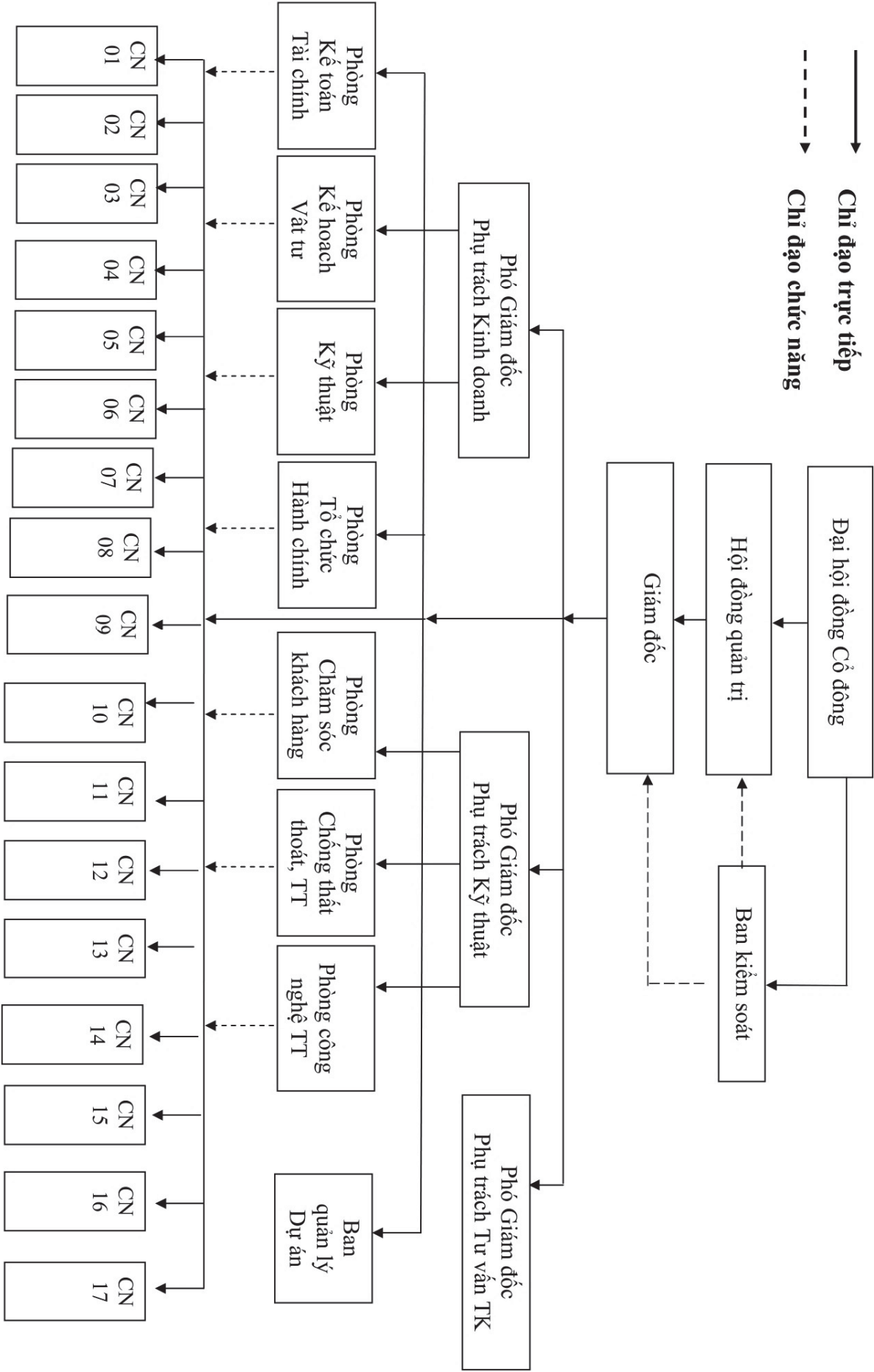
+ Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty sẽ có chế độ lương, thưởng thích hợp để kích thích lực lượng lao động, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về mặt tài chính của cán bộ công nhân viên.

- Đối với lao động thuộc lao động dôi dư mọi chính sách thực hiện theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ và quy định của công ty.

4.4. Tổ chức bộ máy sau cổ phần hóa

4.4.1. Sơ đồ tổ chức: *(Xem trang sau)*

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA



4.4.2. Bố trí lao động, định biên:

DVT : Người

TT	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1	Hội đồng quản trị	5	5	5	5	5	
2	Ban kiểm soát	3	3	3	3	3	
3	Khối Văn phòng Công ty	83	83	83	84	85	
	<i>Chủ tịch HĐQT</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Giám đốc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Các Phó giám đốc</i>	<i>3</i>	<i>3</i>	<i>3</i>	<i>3</i>	<i>3</i>	
	<i>Phòng Tổ chức - Hành chính</i>	<i>23</i>	<i>23</i>	<i>23</i>	<i>23</i>	<i>23</i>	
	<i>Phòng Kế toán - Tài chính</i>	<i>10</i>	<i>10</i>	<i>10</i>	<i>10</i>	<i>10</i>	
	<i>Phòng Kỹ thuật</i>	<i>12</i>	<i>12</i>	<i>12</i>	<i>12</i>	<i>12</i>	
	<i>Phòng Kế hoạch – Vật tư</i>	<i>8</i>	<i>8</i>	<i>8</i>	<i>8</i>	<i>8</i>	
	<i>Phòng Chăm sóc khách hàng</i>	<i>12</i>	<i>12</i>	<i>12</i>	<i>12</i>	<i>12</i>	
	<i>Phòng Chống thất thoát, thất thu</i>	<i>8</i>	<i>8</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	
	<i>Phòng Công nghệ Thông tin</i>	<i>5</i>	<i>5</i>	<i>5</i>	<i>5</i>	<i>5</i>	
4	Ban Quản lý dự án cấp nước	4	4	4	4	4	
5	Chi nhánh Khách sạn Sông Mã	7	7	7	7	7	
6	Chi nhánh Tư Vấn	8	8	8	9	9	
7	Chi nhánh Đồng Hồ	22	22	22	23	25	
8	Chi nhánh Xây Lắp	39	39	41	43	45	
9	Chi nhánh SX nước Thành phố	70	70	72	75	78	
10	Chi nhánh Cấp nước Thành phố	152	155	159	165	169	
11	Chi nhánh Cấp nước Sầm Sơn	51	53	57	58	62	
12	Chi nhánh Cấp nước Bim Sơn	48	50	53	55	58	
13	Chi nhánh Cấp nước Hoàng Hóa	36	38	41	42	45	
14	Chi nhánh Cấp nước Quảng Xương	25	28	32	35	38	
15	Chi nhánh Cấp nước Tĩnh Gia	24	27	30	32	35	
16	Chi nhánh Cấp nước Nông Cống	14	16	19	21	24	
17	Chi nhánh Cấp nước Đông Sơn	28	30	33	32	35	
18	Chi nhánh Cấp nước Triệu Sơn	14	18	19	21	23	
19	Chi nhánh Cấp nước Ngọc Lặc	13	16	17	20	21	
20	Chi nhánh Cấp nước Cẩm Thủy	12	15	17	19	21	
21	Chi nhánh Cấp nước Thạch Thành	5	10	10	13	12	
	Cộng:	655	687	722	758	796	

5. Mục tiêu phát triển sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản

5.1. Mục tiêu phát triển sản xuất:

- Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển hệ thống cấp nước, phát triển thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển công ty, từng bước đưa công ty phát triển và tăng trưởng bền vững.

- Xây dựng đơn giá sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật từng ngành quy định, đề nghị các ngành liên quan trình UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

- Thực hiện chủ trương đa ngành, đa nghề. Công ty tập trung nghiên cứu để phát triển thêm một số ngành nghề mới mang lại hiệu quả kinh tế cao.

5.2. Dự kiến Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2016 - 2020

5.2.1. Các công trình đầu tư :

- Tổng giá trị đầu tư: 280.500 triệu đồng

- Nguồn vốn đầu tư: 280.500. triệu đồng bằng nguồn vốn Huy động hợp pháp.

5.2.2. Các công trình đầu tư cụ thể:

- Đầu tư giai đoạn 1 dự án nâng công suất Nhà máy nước Hàm rồng lên 35.000 m³/ngày, Tổng giá trị đầu tư 70.000 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2015.

- Xây dựng hệ thống SCADA giám sát thu thập, lưu trữ và phân tích dữ liệu theo thời gian tại thành phố Thanh Hóa, Tổng giá trị đầu tư 1.000 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2015.

- Đầu tư cải tạo nâng công suất trạm bơm tăng áp Quảng Hưng lên 12.000m³/ngày. Tổng giá trị đầu tư 2.000 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2015.

- Xây dựng tuyến ống cấp nước từ cây xăng Hải Hòa đến nhà máy may 10 Tĩnh Gia. Tổng giá trị đầu tư 700 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2015.

- Xây dựng tuyến ống cấp nước khu vực xã Quang Trung thị xã Bỉm Sơn. Tổng giá trị đầu tư 700 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2015.

- Cải tạo thay thế van đường ống cấp 1 và thay thế các tuyến đường ống cũ đường Ngọc Giao, hải Thượng Lãn Ông, Trần Quốc Toàn, Đinh Chương Dương ... thành phố Thanh Hóa. Tổng giá trị đầu tư 2.000 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2015.

- Xây dựng bể chứa nước 800 m³ và xây dựng bể lắng bùn nhà máy nước Hoàng Hóa. Tổng giá trị đầu tư 2.400 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2015.

- Thay thế tuyến ống cấp nước thôn Tiến Thọ, phường Quảng Thịnh, TPTH. Tổng giá trị đầu tư 500 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2015.
- Cải tạo tầng 1 nhà quản lý nước kiêm Khách sạn Sông Mã. Tổng giá trị đầu tư 3.000 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2015.
- Lắp đặt bổ sung hệ thống biến tần nhà máy nước Mật Sơn và nhà máy nước Hàm Rồng. Tổng giá trị đầu tư 600 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2015.
- Cải tạo sửa chữa nhà làm việc 4 tầng, chi nhánh đồng hồ nước và Văn phòng các Chi nhánh. Tổng giá trị đầu tư 2.500 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2015.
- Đầu tư tuyến ống cấp nước khu vực ngã ba Dân Lực xã An Nông và các xã lân cận. Tổng giá trị đầu tư 5.000 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2016.
- Đầu tư tuyến ống cấp nước từ UBND huyện Quảng Xương đến phòng Cảnh sát giao thông huyện. Tổng giá trị đầu tư 4.100 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2015.
- Dự án nhà máy nước Quảng Xương 5.000 m³/ngày. Tổng giá trị đầu tư 40.000 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2016-2018.
- Tuyến ống cấp nước DN 400 từ nhà máy nước Hàm Rồng cấp cho khu vực phía bắc sông Mã (Hoàng Anh, Hoàng Quang, Hoàng Đại....). Tổng giá trị đầu tư 25.000 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2017.
- Cải tạo nâng cấp công suất trạm cấp nước Công ty CP Xi măng Bỉm Sơn bàn giao. Tổng giá trị đầu tư 30.000 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2016-2017.
- Cải tạo nâng cấp công suất nhà máy nước Bỉm Sơn lên 30.000 m³/ngày. Tổng giá trị đầu tư 20.000 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2016-2018.
- Tuyến ống cấp nước DN 300 cấp cho khu vực lân cận Tây Nam thị xã Bỉm Sơn. Tổng giá trị đầu tư 10.000 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2017.
- Tuyến ống cấp nước cho khu vực lân cận huyện Hoằng Hóa. Tổng giá trị đầu tư 5.000 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2017.
- Tuyến ống cấp nước cho khu vực lân cận huyện Ngọc Lặc. Tổng giá trị đầu tư 4.000 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2016-2018.
- Tuyến ống cấp nước cho khu vực lân cận huyện Cẩm Thủy. Tổng giá trị đầu tư 2.000 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2017.
- Tuyến ống nước thô từ hồ Đồng Chùa đến nhà máy nước Tĩnh Gia và ống chuyển tải. Tổng giá trị đầu tư 50.000 triệu đồng, bằng nguồn vốn huy động, thực hiện năm 2017-2018.

6. Chiến lược đầu tư phát triển đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

Thực hiện Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh quy hoạch cấp nước các đô thị và khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

Đến năm 2020 với sự phát triển mạnh của dân cư đô thị và các Khu công nghiệp, Khu kinh tế trong địa bàn toàn tỉnh, Công ty tiếp tục tập trung khai thác sản xuất và cung cấp nước sạch, đầu tư xây dựng các công trình cấp nước đáp ứng nhu cầu của thị trường về sản phẩm nước sạch, phát triển và tiến tới đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh, đa dạng hoá các hình thức đầu tư để đáp ứng nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Công ty tập trung chủ yếu vào một số nhiệm vụ sau:

6.1. Đầu tư các dự án trọng điểm để bổ sung nguồn nước, cải tạo và mở rộng hệ thống ống dẫn, ống phân phối nước đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và du lịch. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh.

6.2. Thực hiện kế hoạch chống thất thoát theo vùng, tuyến ống, phân đầu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm 2020 xuống dưới 20 %. Ưu tiên các dự án chống thất thoát thu nước sạch nhằm nâng cao năng lực vận hành hệ thống cấp nước và giảm tỷ lệ thất thoát nước.

6.3. Thực hiện xã hội hoá trong đầu tư, trong hoạt động cấp nước, thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư mới nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước; nâng độ phủ cấp nước đô thị đạt tỷ lệ 100%.

6.4. Nâng cao năng lực, nâng cao công suất cấp nước, chú trọng đến công tác quản lý chất lượng nước. Cung cấp sản phẩm nước sạch đạt chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5502:2003. Duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, xây dựng và hoàn thiện các quy chế nội bộ; thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đến 2020. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ công nhân viên; có chính sách thu hút các kỹ sư chuyên ngành, cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế về làm việc tại Công ty.

6.5. Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ - tin học để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, đổi mới phương thức phục vụ - đưa đến khách hàng các dịch vụ - phục vụ tốt nhất, thực hiện chiến lược "Hướng tới khách hàng" để tồn tại và phát triển bền vững.

7. Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh doanh chính

7.1. Giải pháp về tài chính

Nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa trong giai đoạn từ 2016 - 2020 cần khoảng 280.500 triệu đồng. Để giải quyết vốn cho đầu tư phát triển sản xuất, Công ty huy động vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước thông qua các hình thức hợp tác kinh doanh, công ty liên doanh, công ty liên kết.

Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách nhà nước

Công ty thực hiện vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, vốn ODA và vốn của quỹ môi trường để thực hiện các dự án

7.2. Những biện pháp kỹ thuật

- Lắp đặt hệ thống van giảm áp thông minh để đảm bảo an toàn hệ thống cấp nước.
- Đầu tư trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực cho công tác chống thất thoát nước sạch nhằm giảm thất thoát toàn bộ hệ thống cấp nước, đặc biệt xác định đúng nhu cầu về áp lực, lưu lượng từng tuyến ống để điều phối hợp lý.
- Đầu tư các dự án trọng điểm để bổ sung nguồn nước, cải tạo và mở rộng hệ thống ống dẫn, ống phân phối nước đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và du lịch. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh.
- Lập phương án đầu tư xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ theo dõi, quản lý hệ thống cấp nước, chất lượng nước trên nền tảng công nghệ SCADA và GIS, có lộ trình thực hiện cụ thể:

+ Giai đoạn 2015-2016: Xây dựng hệ thống SCADA giám sát thu thập, lưu trữ và phân tích dữ liệu theo thời gian thực tại Xí nghiệp nước Bãi Cháy bằng việc lắp đặt các đồng hồ điện từ và đồng hồ siêu âm, xây dựng phần mềm quản lý, theo dõi các thông số lưu lượng và áp lực tại các điểm cấp nước phân vùng, tách mạng của hệ thống mạng lưới cấp nước; Nghiên cứu kết nối tích hợp thiết bị có tính năng đọc, lưu trữ và truyền số liệu tự động qua công nghệ truyền thông trên hệ thống đồng hồ cơ đầu nguồn đầu tuyến hiện có.

+ Giai đoạn 2016-2020: Sau khi thành công SCADA giám sát tại nhà máy nước Mật Sơn, Hàm Rồng, tiến hành đánh giá rút kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch đầu tư mở rộng ứng dụng đến tất cả các Chi nhánh trong toàn Công ty.

+ Giai đoạn 2020-2030: Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) để xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý hệ thống cấp nước trong toàn Công ty.

7.3. Những biện pháp về quản lý

Để đạt được mục tiêu vừa đảm bảo cấp nước, vừa phải đạt được kết quả kinh doanh theo cơ chế thị trường trước hết Công ty phải sắp xếp bộ máy tổ chức theo mục tiêu kinh doanh mà quan trọng nhất là nâng cao năng lực cấp nước và công tác ghi thu.

Tiến hành lắp đặt ngay đồng hồ đo lưu lượng nước phát vào mạng đối với những tuyến chưa được lắp đặt của từng xí nghiệp, các xí nghiệp phải có trách nhiệm phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát thất thu trên địa bàn của mình.

Tổ chức tổng kiểm tra cơ bản tất cả các đối tượng dùng nước, phối hợp với các cấp chính quyền địa phương, công an để làm công tác điều tra khách hàng xử lý các vụ vi phạm trong việc dùng nước, cắt bỏ hộ vi phạm sử dụng nước hoặc đấu nối trái phép và xử lý nghiêm.

Cải thiện mức độ dịch vụ đến với khách hàng. Công ty phải chịu trách nhiệm đến cùng với sản phẩm của mình, trực tiếp giải quyết các tồn tại, vướng mắc đáp ứng kịp thời các đòi hỏi của khách hàng. Đảm bảo sự công bằng giữa người mua và người bán, khách hàng dùng bao nhiêu trả bấy nhiêu.

Xây dựng chế độ trả lương có sức thu hút, động viên nhân viên ghi thu và có quy chế phạt nghiêm khắc đối với những người vi phạm quy định của Công ty

Xây dựng mạng lưới thông tin với khách hàng thật tốt nhằm phát hiện các đầu máy sọt, trái phép và phát hiện rò rỉ, tiếp nhận các thông tin về cấp nước để kịp thời sửa chữa và thi công đầu mới, làm cơ sở cho khả năng tăng số hộ khác hàng dùng nước.

Tăng cường công tác kiểm soát, chống thất thoát trên các tuyến vùng, tăng khả năng kiểm soát các chỉ tiêu sản xuất của các xí nghiệp và các nhà máy tránh tình trạng báo cáo không trung thực làm tăng tỷ lệ thất thoát, thất thu.

7.4. Duy trì và mở rộng thị trường của Công ty

Trên cơ sở duy trì và giữ vững được thị trường hiện tại của mình và mở rộng thị trường tiêu thụ nước sạch trên địa bàn toàn tỉnh, quan tâm cấp nước đến những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Trong nghiên cứu thị trường công ty cần phải tổ chức thực hiện công tác điều tra khảo sát và thu thập các thông tin về nhu cầu nước sạch vào cả mùa hè và mùa đông. Sau khi tiến hành phân tích và xử lý các thông tin đã thu thập được rồi xác định lượng cầu của thị trường căn cứ vào kết quả của công tác phân tích và xử lý ở trên. Công ty dựa vào kết quả này để ra quyết định hợp lý trong việc sản xuất và cung ứng nước sạch.

Công ty cần xác lập các mối quan hệ với khách hàng nhằm tăng uy tín của công ty trên thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường. Phòng Chăm sóc khách hàng Công ty bố trí cán bộ chuyên trách thực hiện công tác nghiên cứu, phân tích thị trường, lập kế hoạch nhu cầu thị trường, làm tham mưu cho Lãnh đạo Công ty.

7.5. Tăng cường công tác quản lý và đào tạo để nâng cao trình độ cho người lao động.

Công ty phải thường xuyên tạo điều kiện cho người lao động nâng cao trình độ, đóng góp ý kiến, kích thích tinh thần nhằm làm cho người lao động được thỏa mãn.

Đối với đội ngũ cán bộ quản trị, cần phải trang bị hay trang bị lại những kiến thức kinh doanh hiện đại tạo điều kiện cho các cán bộ này tham gia vào các khoá đào tạo bồi dưỡng học hỏi kinh nghiệm để làm chủ được các yếu tố bên ngoài của thị trường, hạn chế lãng phí tổn thất do không hiểu biết gây ra.

Kết hợp đào tạo và tuyển dụng lao động để hình thành một cơ cấu lao động tối ưu, bố trí lao động hợp lý phù hợp với năng lực sở trường nguyện vọng của mỗi người, xác định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ. Giảm bớt lượng lao động không có năng lực, năng suất lao động thấp.

Công ty sẽ tiến hành bố trí sắp xếp lại CBCNV trong các phòng ban trên cơ sở xác định mức độ phức tạp của công việc, cải tiến mối quan hệ giữa các phòng ban để đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng các công việc của công ty để ra quyết định nhanh chóng và chính xác.

Để tạo động lực cho tập thể và cá nhân, người lao động công ty có biện pháp khuyến khích người lao động như: Phân phối lợi nhuận thỏa đáng, bảo đảm cân bằng hợp lý thưởng phạt công minh. Đặc biệt là có chế độ đãi ngộ đối với những người giỏi, trình độ tay nghề cao hay những người có những ý kiến đóng góp cho công ty trong kinh doanh.

8. Các đề xuất kiến nghị.

- Trên cơ sở giá chỉ đạo của UBND tỉnh ban hành, những thiếu hụt của Công ty cần được phân tích rõ nguyên nhân để có chính sách điều chỉnh giá đối với những thiếu hụt về tài chính liên quan đến những nguyên nhân khách quan, bất khả kháng.

- Đề nghị UBND tỉnh cần ban hành đồng bộ các văn bản pháp quy đối với ngành cung cấp nước sạch. Những văn bản này sẽ được sử dụng làm căn cứ để quản lý doanh nghiệp và các hộ tiêu dùng cũng như để xử lý các tranh chấp xảy ra. Có chính sách ưu đãi tạo vốn ban đầu (về nguồn vốn, lãi suất) ưu đãi.

- Hội đồng nhân dân và UBND tỉnh ban hành biểu giá trong đó có sự điều chỉnh giá nước hợp lý, tính đúng, tính đủ, các khoản chi phí của công ty đã bỏ ra để sản xuất và kinh doanh nước sạch, biểu giá cho các đối tượng sử dụng cần phân biệt theo mục tiêu sử dụng và mức độ sử dụng .

- UBND tỉnh tạo điều kiện để Công ty thực hiện phương án đầu tư xây dựng hệ thống nước trong tỉnh bằng nguồn vốn liên doanh, liên kết, vay vốn trong và ngoài nước, tập trung giải quyết thêm nguồn, đường ống và chương trình chống thất thoát của Công ty để đáp ứng mọi yêu cầu của địa phương, tạo cho Công ty có đủ sức mạnh để kinh doanh bằng cơ chế phù hợp với loại hình kinh doanh phục vụ công cộng.

- Các tổ chức chính quyền địa phương tạo điều kiện và có trách nhiệm cùng công ty tham gia quản lý hệ thống mạng lưới đường nước trên từng địa bàn.

- Về đất đai: Đề nghị UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phần diện tích còn thiếu tại khu văn phòng Công ty, địa chỉ số 99 đường Mật Sơn, phường Đông Vệ thành phố Thanh Hóa và Chi nhánh cấp nước Sầm sơn; Hoàn thiện hồ sơ pháp lý và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 06 thửa đất tại Hoàng Hóa, Tĩnh Gia, Quảng Xương và Đông Sơn;

- Về vốn đầu tư xây dựng cơ bản: Để có nguồn vốn đối ứng thực hiện phương án đầu tư giai đoạn 2016-2020 đề nghị UBND tỉnh cho Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa được giữ lại phần vốn nhà nước sau khi bán cổ phần để tái đầu tư.

9. Kế hoạch tổ chức thực hiện phương án

Sau khi phương án cổ phần hóa của công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa được UBND tỉnh phê duyệt và có Quyết định chuyển đổi thành công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa. Công ty triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

- Tổ chức bán đấu giá CP cho nhà đầu tư ngoài DN: Từ ngày 25/10 đến ngày 30/11/2015;

- Tổ chức bán cổ phần cho người lao động trong DN: Từ ngày 01/12 đến ngày 10/12/2015;
- Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo CPH: Từ ngày 10/12 đến ngày 15/12/2015;
- Tổ chức Đại Hội đồng cổ đông lần đầu: Từ ngày 02/01/2016 đến ngày 07/01/2016;
- Tổ chức quyết toán tài chính đến thời điểm chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 10/01 đến ngày 15/02/2016;
- Tổ chức bàn giao vốn cho công ty cổ phần từ ngày 25/2 đến ngày 28/2/2016.

VII .KẾT LUẬN

Việc cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Thanh Hóa là cần thiết nhằm chuyển đổi hình thức hoạt động của Công ty cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong thời gian sắp tới.

Kính trình UBND tỉnh Thanh Hóa xem xét và quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa và cho phép Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Thanh Hóa tiến hành các thủ tục chuyển đổi trong thời gian sớm nhất../.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Huy Nam